

Số: /GPMT-SNNMT

Long An, ngày tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Long An ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Long An về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Long An;

Xét Văn bản số 01/RB/GPMT/2024 ngày 11 tháng 11 năm 2024; Văn bản số 02/CV/GPMT/2025 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Công ty TNHH R&B Food Supply Việt Nam về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Môi trường và Kiểm lâm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH R&B Food Supply Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Số 309B-311, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Xưởng sản xuất bột xù và bột phối trộn (Breadcrumbs & Mix Flour Factory)” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Xưởng sản xuất bột xù và bột phối trộn (Breadcrumbs & Mix Flour Factory).

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng B2-4a, B2-4b, B2-3b, A2, khu nhà xưởng xây sẵn Lô B, khu công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Việt Nam.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp 0312250301 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 3 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 06 tháng 11 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0312250301-001 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 8 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 3222279633, chứng nhận lần đầu ngày 28/8/2018, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 9 ngày 23 tháng 6 năm 2025 do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Long An cấp.

1.4. Mã số thuế: 0312250301

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các loại bánh từ bột và sản xuất các sản phẩm bột dùng trong chế biến thực phẩm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

1.6.1. Phạm vi:

Diện tích thực hiện dự án: nhà xưởng 5.848 m² và văn phòng 704,32 m² (thuê lại nhà xưởng và văn phòng của Công ty Cổ phần Long Hậu theo Hợp đồng thuê nhà xưởng khu công nghiệp Long Hậu số 332/2018/HĐ-LHC-TTKD ngày 17 tháng 8 năm 2018 và phụ lục kèm theo, Hợp đồng thuê nhà xưởng khu công nghiệp Long Hậu số 173/2022/HĐ-LHC-TTKD ngày 11 tháng 5 năm 2022, Hợp đồng thuê nhà xưởng khu công nghiệp Long Hậu số 479/2022/HĐ-LHC-TTKD ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Hợp đồng thuê nhà xưởng khu công nghiệp Long Hậu số 652/2024/HĐ-LHC-TTKD ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Long Hậu và Công ty TNHH R&B Food Supply Việt Nam).

1.6.2. Quy mô:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ. Dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1397/QĐ-STNMT ngày 23 tháng 7 năm 2019.

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

1.6.3. Công suất:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, công suất 2.500 tấn/năm;

- Sản xuất các sản phẩm bột dùng trong chế biến thực phẩm, công suất 1.000 tấn/năm.

1.6.4. Quy trình sản xuất:

- Quy trình sản xuất bánh bột xù tươi: Nguyên liệu → Sàng → Định lượng → Trộn → Lên men → Cắt tạo hình → Nướng → Làm nguội → Cắt → Nghiền (tùy sản phẩm) → Định lượng, đóng gói → Rà kim loại → Bảo quản → Xuất hàng.

- Quy trình sản xuất bánh bột xù khô: Nguyên liệu → Sàng → Định lượng → Trộn → Lên men → Cắt tạo hình → Nướng → Làm nguội → Cắt → Nghiền (tùy sản phẩm) → Sấy → Định lượng, đóng gói → Rà kim loại → Bảo quản → Xuất hàng.

- Quy trình sản xuất bánh bột phối trộn: Nguyên liệu → Sàng → Định lượng → Trộn → Định lượng, đóng gói → Rà kim loại → Bảo quản → Xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH R&B Food Supply Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH R&B Food Supply Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành đến ngày 29 tháng 6 năm 2035).

Điều 4. Giao Chi cục Môi trường và Kiểm lâm tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An;
- UBND huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Long Hậu;
- Công ty Cổ phần Long Hậu;
- Công ty TNHH R&B Food Supply Việt Nam;
- Trang Thông tin điện tử của Sở;
- Trung tâm PVHC tỉnh;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, CCMTKL_(Lâm).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tân Thuận

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT- SNNMT
ngày tháng 6 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường. Chủ dự án thực hiện đầu nối nước thải sau xử lý sơ bộ vào hệ thống thu gom, thoát nước thải để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp theo đúng hướng dẫn tại Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, không xả trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thu gom nước thải nội bộ, cụ thể như sau:

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh theo đường ống nhựa HDPE Ø114 dẫn về bể tự hoại cải tiến 5 ngăn để xử lý, sau đó nước thải được dẫn theo đường ống nhựa HDPE Ø114 dẫn về hố ga thu gom nước thải của nhà xưởng xây sẵn Lô B.

- Nguồn thải số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình rửa dụng cụ, thiết bị, nước giặt đồ bảo hộ lao động, nước thải từ phòng thí nghiệm được dẫn theo đường ống nhựa HDPE Ø60 dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 3 m³/ngày đêm để xử lý, sau đó nước thải được dẫn theo đường ống nhựa HDPE Ø32 dẫn về hố ga thu gom nước thải của nhà xưởng xây sẵn Lô B.

Toàn bộ nước thải từ hố ga thu gom nước thải của nhà xưởng xây sẵn Lô B theo đường ống HDPE Ø300 chiều dài 80m tự chảy vào hệ thống thu gom nước thải của KCN tại 01 hố ga đầu nối nằm trên đường Long Hậu, tọa độ X=1176582; Y=0605169 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Hậu để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải hoạt → Bể tự hoại cải tiến 5 ngăn → Hồ ga thu gom nước thải của nhà xưởng xây sẵn Lô B → Hồ ga đầu nối nước thải với KCN Long Hậu.

+ Nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể điện phân → Bể khử trùng → Hồ ga lấy mẫu → Hồ ga thu gom nước thải của nhà xưởng xây sẵn Lô B → Hồ ga đầu nối nước thải với KCN Long Hậu.

- Vị trí, số lượng, thể tích bể tự hoại:

+ Số lượng: 02 bể.

+ Thể tích: 01 bể tại khu vực nhà xưởng B2-3b có thể tích 12,5 m³; 01 bể tại khu vực nhà xưởng B2-4a có thể tích 12,5 m³.

+ Hóa chất sử dụng: không.

- Vị trí, số lượng, thể tích công trình xử lý nước thải:

+ Hệ thống xử lý nước thải công suất: 03 m³/ngày.đêm.

+ Hoá chất sử dụng: PAC, NaOH, Javel.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Không có.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra mạng lưới thu gom, thoát nước thải.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải, nước mưa, nạo vét các hồ ga nước thải để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Định kỳ hút bùn từ bể tự hoại và chuyển giao bùn thải cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 3 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ 01 vị trí tại bể thu gom nước thải sản xuất.

+ 01 vị trí tại hồ ga lấy mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Chất ô nhiễm: pH, BOD₅(20°C), COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Amoni (tính theo N).

- Giá trị giới hạn cho phép: đảm bảo đạt giá trị giới hạn tiếp nhận, đầu nối nước

thải của KCN Long Hậu.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án; bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư hạ tầng KCN Long Hậu; không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước thải để dẫn nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Hậu tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

- Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ) và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)/.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT- SNNMT
ngày tháng 6 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh tại 01 máy nghiền tại nhà xưởng B2-4a.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống phát thải của hệ thống xử lý bụi từ máy nghiền (nguồn số 01 tại khu vực nhà xưởng B2-4a), tọa độ vị trí xả khí thải: X=1176558, Y=0605219. (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3^0)

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên Công ty TNHH R&B Food Supply Việt Nam tại Nhà xưởng B2-4a, B2-4b, B2-3b, A2, khu nhà xưởng xây sẵn Lô B, khu công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Việt Nam.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 13.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả theo thời gian vận hành của hệ thống xử lý khí thải (8 giờ/24 giờ, làm việc 01 ca/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí của dòng khí thải số 01 tại Công ty TNHH R&B Food Supply Việt Nam phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, Kp=1 và Kv=1) – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	--	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
2	Bụi	mg/Nm ³	200	được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ	sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ quá trình nghiền được thu gom bằng đường ống Inox D100mm dài 12m dẫn về hệ thống xử lý bụi. Không khí sạch sau khi qua hệ thống thoát ra môi trường bằng 01 ống khói thải bằng tôn mạ kẽm D300mm, chiều cao 12m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi → Ống dẫn → Cyclon → Lưới lọc sơ cấp → Quạt hút → Lưới lọc thứ cấp → Ống phát thải → Không khí sạch sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp=1, Kv=1 trước khi thoát ra môi trường xung quanh.

- Công suất hệ thống xử lý: 13.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Lưới lọc bằng SUS 304.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Các cán bộ vận hành được đào tạo kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý khí thải và hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

- Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải tại khu vực hệ thống xử lý.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như quạt hút, ống dẫn, thiết bị dễ hư hỏng,...

+ Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Giám sát hệ thống xử lý khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

+ Ngưng hoạt động nếu hệ thống xử lý khí thải không có khả năng xử lý khí thải bảo đảm đạt quy chuẩn môi trường cho phép; đồng thời, thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử lý khí thải; sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng khí thải đầu ra sau hệ thống xử lý khí thải mới tiến hành sản xuất bình thường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý bụi từ máy nghiền tại nhà xưởng B2-4a (công suất 13.000 m³/giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 mẫu khí thải tại vị trí đầu ra (ống thải) của hệ thống xử lý bụi từ máy nghiền tại nhà xưởng B2-4a.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH R&B Food Supply Việt Nam phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải số 01 theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải của dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử

nghiệm các công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Phải có biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình sản xuất và lưu giữ chất thải.

3.4. Bố trí điểm quan trắc (lỗ lấy mẫu) bụi, khí thải sau xử lý, sản công tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ), cụ thể như sau:

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

- Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.7. Có kế hoạch và lộ trình nâng cấp, cải tạo (trường hợp cần thiết) hệ thống xử lý bụi, khí thải để bảo đảm giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT kể từ ngày 01/01/2032.

3.8. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ) và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3.9. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT- SNNMT
ngày tháng 6 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy nâng bánh mì tại nhà xưởng B2-4a.
- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực băng tải tại nhà xưởng B2-4a.
- Nguồn số 3: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực băng chuyền trực lăn tại nhà xưởng B2-4a.
- Nguồn số 4: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy trộn bột tại nhà xưởng B2-4a.
- Nguồn số 5: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực băng tải khí nén tại nhà xưởng B2-4a.
- Nguồn số 6: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy rây bột tại nhà xưởng B2-4a.
- Nguồn số 7: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực băng tải trục vít tại nhà xưởng B2-4a.
- Nguồn số 8: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực băng tải rung tại nhà xưởng B2-4a.
- Nguồn số 9: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực bàn cắt tại nhà xưởng B2-4a.
- Nguồn số 10: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy nghiền tại nhà xưởng B2-4a.
- Nguồn số 11: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy sấy tầng sôi tại nhà xưởng B2-4a.
- Nguồn số 12: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực lò nướng tại nhà xưởng B2-4a.
- Nguồn số 13: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực quạt hút của hệ thống thu gom và xử lý bụi phát sinh công đoạn nghiền tại nhà xưởng B2-4a.
- Nguồn số 14: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải bên hông nhà xưởng B2-4a.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ $X_1 = 1176617$; $Y_1 = 0605121$.

- Nguồn số 02: Toạ độ $X_2 = 1176613$; $Y_2 = 0605122$.
- Nguồn số 03: Toạ độ $X_3 = 1176606$; $Y_3 = 0605133$.
- Nguồn số 04: Toạ độ $X_4 = 1176618$; $Y_4 = 0605128$.
- Nguồn số 05: Toạ độ $X_5 = 1176614$; $Y_5 = 0605124$.
- Nguồn số 06: Toạ độ $X_6 = 1176622$; $Y_6 = 0605132$.
- Nguồn số 07: Toạ độ $X_7 = 1176626$; $Y_7 = 0605125$.
- Nguồn số 08: Toạ độ $X_8 = 1176643$; $Y_8 = 0605131$.
- Nguồn số 09: Toạ độ $X_9 = 1176642$; $Y_9 = 0605126$.
- Nguồn số 10: Toạ độ $X_{10} = 1176622$; $Y_{10} = 0605124$.
- Nguồn số 11: Toạ độ $X_{11} = 1176615$; $Y_{11} = 0605123$.
- Nguồn số 12: Toạ độ $X_{12} = 1176624$; $Y_{12} = 0605135$.
- Nguồn số 13: Toạ độ $X_{13} = 1176632$; $Y_{13} = 0605132$.
- Nguồn số 14: Toạ độ $X_{14} = 1176625$; $Y_{14} = 0605143$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

STT	Thời gian áp dụng trong ngày	Mức cho phép (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70	-	Khu vực thông thường
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55		

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày	Mức cho phép (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70	-	Khu vực thông thường
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	60		

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Phân lập các khu vực gây ồn cao bằng các phương pháp cách ly, cách âm; không vận hành quá tải máy móc và thiết bị, luôn

bảo dưỡng và thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn, đảm bảo tốt các điều kiện kỹ thuật làm việc của máy móc thiết bị.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đúc móng máy đủ khối lượng (bê tông mác cao), tăng chiều sâu móng; lắp đặt đệm cao su chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

2.3. Nâng cấp, thay thế máy móc thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

2.4. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

2.5. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ) và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)/.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-SNNMT
ngày tháng 6 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	6
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	72
	TỔNG KHỐI LƯỢNG			78

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát (Cần áp dụng ngưỡng chất thải nguy hại (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại để phân định là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường):

Stt	Loại chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	12
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	24
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	35
4	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	5

Stt	Loại chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
5	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	240
	Tổng cộng			316

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Stt	Thành phần chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì, thùng chứa, giấy carton,...	1.500
2	Giấy vụn phòng thải bỏ	120
3	Sản phẩm hư hỏng	1.750
4	Bụi thu hồi từ HTXL bụi	7.570
5	Bụi rơi vãi từ quá trình nạp liệu	1.400
	Tổng cộng	12.340

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	127
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	127

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp kiểm soát

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy; bao bì chuyên dụng.

2.1.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích kho: 15 m² (bố trí 5m² chứa chất thải nguy hại và 10m² chứa chất thải công nghiệp kiểm soát).

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu vách tường, nền bê tông bảo đảm mặt sàn kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu, có mái che bằng tôn, có gờ cao chống nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, hồ thu gom chất thải lỏng. Kho chứa lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, thực hiện phân loại chất thải theo từng mã chất thải nguy hại (CTNH và chất thải phải kiểm soát), trang bị đầy đủ dụng cụ lưu chứa được dán mã chất thải, bố trí vật

liệu hấp thụ (cát khô được bố trí trong thùng chứa), xéng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, trang bị đầy đủ biển dấu hiệu cảnh báo, thiết bị PCCC đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa*: Thùng phuy, thùng sắt và bao PP.

2.2.2. *Khu vực lưu chứa*

- Diện tích kho: 4,8 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Là 01 container che kín nắng mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ và có biển cảnh báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa*: Thùng nhựa có nắp đậy, bánh xe đẩy và bao PP.

2.3.2. *Khu vực tập kết*:

- Diện tích 3 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông cốt thép, có mái che, có gắn biển báo khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Trang bị đầy đủ các thiết bị chống cháy nổ, các phương tiện phòng cháy chữa cháy được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng nhằm khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra. Nhân viên được hướng

dẫn, tập huấn các phương pháp phòng chống cháy nổ. Thiết bị, máy móc phòng cháy chữa cháy phải đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy.

- Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Định kỳ tổ chức tập huấn và diễn tập ứng phó sự cố chất thải đảm bảo sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT- SNNMT
ngày tháng 6 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì vận hành hiệu quả; Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

4. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án về Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày**.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

9. Công ty TNHH R&B Food Supply Việt Nam phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng theo đúng quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

10. Chậm nhất 10 ngày sau khi được cấp phép môi trường, Công ty TNHH R&B Food Supply Việt Nam thực hiện công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi thực hiện dự án./.